

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG LONG TRƯỜNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~22~~26/QĐ-UBND

Long Trường, ngày 21 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành và áp dụng tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng được
cải tiến, mở rộng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG LONG TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN tại địa phương;

Theo đề nghị của Văn phòng - Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng được cải tiến, mở rộng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào các hoạt động quản lý và giải quyết TTHC tại UBND phường bắt đầu kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2023 (theo danh mục đính kèm)

Điều 2. Trưởng các bộ phận và ban chỉ đạo ISO có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn CBCC, người lao động tổ chức triển khai áp dụng, tuân thủ chặt chẽ tài liệu hệ thống quản lý chất lượng đã được phê duyệt.

Điều 3. Văn phòng Thống kê, các bộ phận chuyên môn, CBCC, người lao động và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố/để BC;
- Đ/c Chủ tịch, PCT UBND phường/để chỉ đạo;
- Các bộ phận chuyên môn/để thực hiện;
- Lưu: VT, VP-TK(Đ) 



Nguyễn Hoàng Vũ



**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG LONG TRƯỜNG**

Số: 22/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Trường, ngày 21 tháng 7 năm 2023

DANH MỤC
TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015
(Đính kèm theo Quyết định số QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2023)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ghi chú
I. Thủ tục theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng				
1.	Chính sách chất lượng	CSCL	01	
2.	Mục tiêu chất lượng	MTCL	01	
3.	Bản mô tả mô hình Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	BMT	01	
4.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu và hồ sơ)	QT-01	01	
5.	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT-02	01	
6.	Quy trình đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng	QT-03	01	
7.	Quy trình kiểm soát và xử lý công việc không phù hợp	QT-04	01	
8.	Quy trình thực hiện hành động khắc phục	QT-05	01	
9.	Quy trình xem xét của lãnh đạo về hệ thống quản lý chất lượng	QT-06	01	
II. Quy trình giải quyết TTHC				
1. Lĩnh vực Tín ngưỡng, Tôn giáo (Quyết định số 6038/QĐ-UBND ngày 28/12/2018)				
10.	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	QT -01/TG	01	
11.	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	QT -02/TG	01	
12.	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT -03/TG	01	

13.	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT -04/TG	01	
14.	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	QT -05/TG	01	
15.	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	QT -06/TG	01	
2. Lĩnh vực Thi đua, Khen thưởng (Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 14/11/2018)				
16.	Thủ tục tặng giấy khen của UBND xã, phường, thị trấn về công trạng và thành tích	QT - 01/TĐKT	01	
17.	Thủ tục tặng giấy khen của UBND xã, phường, thị trấn về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	QT - 02/TĐKT	01	
18.	Thủ tục tặng giấy khen của UBND xã, phường, thị trấn về thành tích đợt xuất	QT - 03/TĐKT	01	
19.	Thủ tục công nhận danh hiệu "Lao động tiên tiến"	QT - 04/TĐKT	01	
3. Lĩnh vực Dân tộc (Quyết định số 4445/QĐ-UBND ngày 09/10/2018)				
20.	Thủ tục công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT -01/DT	01	
21.	Thủ tục đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT -02/DT	01	
4. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác (Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 25/8/2022)				
22.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	QT-01/GD	01	
23.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT-02/GD	01	
24.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	QT-03/GD	01	
25.	Sáp nhập, chia tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT-04/GD	01	
5. Lĩnh vực Tiếp Công dân (Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 23/6/2022)				
26.	Thủ tục tiếp công dân	QT - 01/TDC	01	

6. LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI (Quyết định số 3720/QĐ-UBND ngày 02/11/2021)			
27.	Giải quyết khiếu nại lần đầu	QT - 01/GQKN	01
7. Lĩnh vực Giải quyết Tố cáo (Quyết định số 1955/QĐ-UBND ngày 05/6/2020)			
28.	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	QT - 01/GQTC	01
8. Lĩnh vực Phát triển nông thôn (Quyết định số 2610/QĐ-UBND, ngày 20/6/2018)			
29.	Phê duyệt phương án hỗ trợ lãi vay thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố	QT- 01/PTNT	01
30.	Phê duyệt phương án hỗ trợ lãi vay thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện (Điều 10 Nghị quyết số 10/2017/NQ-HĐND	QT- 02/PTNT	01
9. Lĩnh vực Hộ tịch (Quyết định số 1848/QĐ-UBND ngày 10/5/2023; Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29/6/2018)			
31.	Đăng ký khai sinh	QT-01/HT	01
32.	Đăng ký kết hôn	QT-02/HT	01
33.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT-03/HT	01
34.	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	QT-04/HT	01
35.	Đăng ký khai tử	QT-05/HT	01
36.	Đăng ký khai sinh lưu động	QT-06/HT	01
37.	Đăng ký kết hôn lưu động	QT-07/HT	01
38.	Đăng ký khai tử lưu động	QT-08/HT	01
39.	Đăng ký giám hộ	QT-09/HT	01
40.	Đăng ký chấm dứt việc giám hộ	QT-10/HT	01
41.	Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	QT-11/HT	01
42.	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT-12/HT	01
43.	Đăng ký lại khai sinh	QT-13/HT	01
44.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-14/HT	01
45.	Đăng ký lại kết hôn	QT-15/HT	01

46.	Đăng ký lại khai tử	QT-16/HT	01	
47.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-17/HT	01	
48.	Xác nhận thông tin hộ tịch	QT-18/HT	01	
Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29/6/2018				
49.	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT-19/HT	01	
50.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT-20/HT	01	
51.	Đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ	QT-21/HT	01	
10. Lĩnh vực Hộ tịch, đăng ký thường trú và bảo hiểm y tế (Quyết định số 3150/QĐ-UBND ngày 31/7/2018)				
52.	Liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT-22/HT	01	
53.	Liên thông đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT-23/HT	01	
54.	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú	QT-24/HT	01	
11. Lĩnh vực Hòa giải cơ sở Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 28/4/2016; Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29/6/2018				
55.	Thủ tục bầu hòa giải viên.	QT-01/HGCS	01	
56.	Thủ tục Bầu Tổ trưởng Tổ hòa giải.	QT-02/HGCS	01	
57.	Thủ tục Thôi làm Hòa giải viên.	QT-03/HGCS	01	
58.	Thủ tục Thanh toán thù lao cho Hòa giải viên.	QT-04/HGCS	01	
59.	Thực hiện Hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải.	QT-05/HGCS	01	
12. Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật (02 TTHC) Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29/6/2018				
60.	Công nhận Tuyên truyền viên pháp luật	QT-	01	

		01/PBGD		
61.	Cho thôi làm Tuyên truyền viên pháp luật	QT-02/PBGD	01	
13. Lĩnh vực Bồi thường Nhà nước (01 TTHC) Quyết định số 6048/QĐ-UBND ngày 28/12/2018				
62.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT-01/BTNN	01	
14. Lĩnh vực Chứng thực (11 TTHC) Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 28/4/2016; Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29/6/2018				
63.	Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT-01/ CT	01	
64.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (thủ tục này cũng được áp dụng trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)	QT-02/ CT	01	
65.	Chứng thực chữ ký Giấy bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng (áp dụng cả trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)	QT-03/ CT	01	
66.	Chứng thực chữ ký giấy bán, cho, tặng xe của cá nhân (áp dụng cả trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)	QT-04/ CT	01	
67.	Chứng thực chữ ký Giấy ủy quyền về việc đứng tên kê khai hưởng chính sách theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp	QT-05/ CT	01	

	tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước (áp dụng cả trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)			
68.	Chứng thực di chúc	QT-06/CT	01	
69.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản là động sản	QT-07/CT	01	
70.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-08/CT	01	
71.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-09/CT	01	
72.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-10/CT	01	
73.	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT-11/CT	01	
15. Lĩnh vực Thể thao (01 TTHC) Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 26/7/2016				
74.	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	QT-01/TT	01	
16. Lĩnh vực Văn hóa (03 TTHC) Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2023				
75.	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	QT-01/VHCS	01	
76.	Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	QT-02/VHCS	01	
77.	Xét tặng giấy khen Gia đình văn hóa	QT-03/VHCS	01	
17. Lĩnh vực Thư viện (03 TTHC) Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 23/11/2022				
78.	Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng		01	
79.	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia tách đối với thư viện cộng đồng		01	

80.	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng		01	
18. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (12 TTHC) Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 04/6/2018; Quyết định 1235/QĐ-UBND ngày 18/3/2016; Quyết định 3258/QĐ-UBND, 02/8/2019; Quyết định 3354/QĐ-UBND ngày 17/9/2021; Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 30/3/2023)				
81.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện, cấp tỉnh	QT-01/BTXH	01	
82.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT-02/BTXH	01	
83.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QT-03/BTXH	01	
84.	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT-04/BTXH	01	
85.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	QT-05/BTXH	01	
86.	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-06/BTXH	01	
87.	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT-07/BTXH	01	
88.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QT-08/BTXH	01	
89.	Hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng	QT-09/BTXH	01	
90.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QT-10/BTXH	01	
91.	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật (khi không thay đổi dạng tật và mức độ khuyết tật)	QT-11/BTXH	01	
92.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi	QT-	01	Quyết định

	dường hàng tháng	12/BTXH		số 1136/QĐ- UBND ngày 30/3/2023
Quyết định số 2274/QĐ-UBND ngày 02/6/2023				
93.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hàng năm	QT-13/BTXH	01	
94.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hàng năm	QT-14/BTXH	01	
95.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hàng năm	QT-15/BTXH	01	
96.	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	QT-16/BTXH	01	
19. Lĩnh vực bảo vệ chăm sóc trẻ em (01 TTHC) Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 04/6/2018				
97.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT-01/TE	01	
20. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội (02 TTHC) Quyết định số 5287/QĐ-UBND ngày 10/10/2016; số 2570/qđ-UBND ngày 29/7/2022				
98.	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	QT-01/TNXH	01	
99.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT-02/TNXH	01	
21. Lĩnh vực Người có công (28 TTHC) Quyết định 3553/QĐ-UBND ngày 18/10/2022, Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 19/01/2017) 5038/QĐ-UBND ngày 23/11/2019				
100.	Cấp bằng tổ quốc ghi công đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp bằng tổ quốc ghi công mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	QT-01/NCC	01	
101.	Cấp đổi bằng Tổ quốc ghi công	QT-02/NCC	01	
102.	Cấp lại bằng Tổ quốc ghi công	QT-03/NCC	01	

103.	Cấp bằng Tổ quốc ghi công đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	QT-04/NCC	01	
104.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Lao động thương binh và xã hội quản lý	QT-05/NCC	01	
105.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	QT-06/NCC	01	
106.	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	QT-07/NCC	01	
107.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	QT-08/NCC	01	
108.	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động thương binh và xã hội quản lý và cấp giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	QT-09/NCC	01	
109.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	QT-10/NCC	01	
110.	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-11/NCC	01	
111.	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	QT-12/NCC	01	
112.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-13/NCC	01	
113.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà Mẹ Việt Nam anh hùng"	QT-14/NCC	01	
114.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	QT-15/NCC	01	
115.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT-16/NCC	01	

116.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT-17/NCC	01	
117.	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QT-18/NCC	01	
118.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-19/NCC	01	
119.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-20/NCC	01	
120.	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	QT-21/NCC	01	
121.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT-22/NCC	01	
Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 07/7/2020				
122.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	QT-23/NCC	01	
123.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Cam-pu-chi-a	QT-24/NCC	01	
Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 02/6/2023				
124.	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	QT-25/NCC	01	
(Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 19/01/2017)				
125.	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương	QT-26/NCC	01	
126.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong	QT-	01	

	đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	27/NCC		
127.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-28/NCC	01	
22. Lĩnh vực giải quyết tranh chấp đất đai (01 TTHC) Quyết định số 4108/qđ-UBND ngày 30/9/2019				
128.	Hòa giải tranh chấp đất đai	QT-01/ĐĐ	01	
23. Lĩnh vực Xử lý đơn (Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 01/8/2022)				
129.	Xử lý đơn tại cấp xã	QT - 01/XLD	01	
24. Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội (Quyết định số 4077/QĐ-UBND ngày 04/11/2020)				
130.	Giải quyết chế độ hưu trí hàng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyển nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01 tháng 4 năm 2000	QT - 01/BHXXH	01	
25. Lĩnh vực Chính sách (Quyết định số 4077/QĐ-UBND ngày 04/11/2020)				
131.	Giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc	QT -01/CS	01	
132.	Giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần)	QT -02/CS	01	
26. Lĩnh vực Nghĩa vụ quân sự (Quyết định số 4077/QĐ-UBND ngày 04/11/2020)				
133.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu	QT - 01/NVQS	01	

134.	Đăng ký trong ngạch dự bị	QT - 02/NVQS	01	
135.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung	QT - 03/NVQS	01	
136.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	QT - 04/NVQS	01	
137.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	QT - 05/NVQS	01	
138.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng	QT - 06/NVQS	01	
139.	Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến	QT - 07/NVQS	01	
27. Lĩnh vực Phòng chống thiên tai (Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 09/02/2023)				
140.	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	QT - 01/PCTT	01	
141.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	QT - 02/PCTT	01	
142.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	QT - 03/PCTT	01	
143.	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QT - 04/PCTT	01	
144.	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	QT - 05/PCTT	01	
28. Lĩnh vực Thủy lợi (Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 09/02/2023)				
145.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QT -01/TT	01	
146.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong	QT -02/TT	01	

	quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã			
147.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT -03/TT	01	
29. Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng (Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 của UBND thành phố Hồ Chí Minh)				
148.	Kê khai tài sản, thu nhập	QT-01/PCTN	01	
149.	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	QT-02/PCTN	01	
150.	Thực hiện việc giải trình	QT-03/PCTN	01	